Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và
Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét

30 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 33

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh:	*Ngày*
Điều chỉnh lần 2	6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	28 tháng 3 năm 2008

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 20/QD-SDGHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
Lợi nhuận thuần trong kỳ	22.496.535	35.059.354
Cổ tức trả trong kỳ	(11.901.829)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào cuối kỳ	74.862.637	62.155.050

CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU

Vào ngày 2 tháng 2 năm 2010, Công ty đã chính thức hoàn tất việc giải thể Công ty Cổ phần Thiên Long Miền Bắc, công ty con của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 5.2.1 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Cô Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

ERNST & YOUNG

Ernst & Young Vietnam Limited
Saigon Riverside Office Center
8th Floor, 2A-4A Ton Duc Thang Street
District 1, Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam
Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
www.ey.com

Số tham chiếu: 60858419/14457713

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày từ trang 6 đến trang 33 (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ"). Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2010, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đây là năm đầu tiên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được soát xét nên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 chưa được kiểm toán hay soát xét, được trình bày cho mục đích so sánh.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

ERNST & YOUNG

Mặc dù không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Mai Viết Hùng Trân
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: D0048/KTV

Lê Quang Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0426/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2010*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**344.229.937**	**316.086.644**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***16.988.238***	***47.093.152***
111	1. Tiền		11.988.238	47.093.152
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000	-
120	***II. Các khoản đầu tư ngắn hạn***	***5.1***	***29.732.887***	***26.552.000***
121	1. Đầu tư ngắn hạn		33.736.304	29.066.411
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.003.417)	(2.514.411)
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***133.360.069***	***85.034.905***
131	1. Phải thu khách hàng	6	126.545.642	81.159.694
132	2. Trả trước cho người bán		5.404.501	3.452.351
135	3. Các khoản phải thu khác	7	3.035.732	2.220.030
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.625.806)	(1.797.170)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***158.055.953***	***151.777.308***
141	1. Hàng tồn kho		163.811.713	157.544.755
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.755.760)	(5.767.447)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***6.092.790***	***5.629.279***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.795.083	1.578.960
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.080.797	1.905.813
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		2.216.910	2.144.506
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**233.648.379**	**204.539.232**
220	***I. Tài sản cố định***		***130.774.339***	***108.355.067***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	84.018.656	76.755.234
222	Nguyên giá		208.453.374	195.235.409
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(124.434.718)	(118.480.175)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.231.256	9.461.898
228	Nguyên giá		12.115.392	12.115.392
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.884.136)	(2.653.494)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	37.524.427	22.137.935
250	***II. Đầu tư dài hạn***	***5.2***	***95.821.949***	***89.369.021***
252	1. Đầu tư vào công ty con		55.839.864	56.174.364
258	2. Đầu tư dài hạn khác		42.599.924	38.599.924
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.617.839)	(5.405.267)
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***7.052.091***	***6.815.144***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.953.021	1.421.258
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	5.062.602	5.357.420
268	3. Tài sản dài hạn khác		36.468	36.466
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**577.878.316**	**520.625.876**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2010*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**196.595.858**	**146.018.124**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***181.990.111***	***140.972.435***
311	1. Vay ngắn hạn	12	123.387.519	85.127.135
312	2. Phải trả người bán	13	36.234.459	29.473.152
313	3. Người mua trả tiền trước		93.817	118.144
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.850.457	7.236.155
315	5. Phải trả người lao động		4.804.045	3.175.776
316	6. Chi phí phải trả	15	10.770.993	9.150.322
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		923.054	3.833.298
323	8. Qũy khen thưởng, phúc lợi		(74.233)	2.858.453
330	***II. Nợ dài hạn***		***14.605.747***	***5.045.689***
334	1. Vay dài hạn	16	9.192.651	1.583.309
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		5.413.096	3.462.380
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**381.282.458**	**374.607.752**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***17***	***381.282.458***	***374.607.752***
411	1. Vốn cổ phần		155.000.000	155.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.754.354	130.754.354
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		(187.200)	(187.200)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		12.066.785	12.066.785
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		8.785.882	8.785.882
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		74.862.637	68.187.931
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**577.878.316**	**520.625.876**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KHOẢN MỤC	*Ngày 30 tháng 6 năm 2010*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US$)	56.886	24.790
- Euro (EUR)	5.365	5.205
- Nhân dân tệ (RMB)	7.507	1.110

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Kế toán trưởng
Hồ Ngọc Cảnh

Tổng Giám đốc
Võ Văn Thành Nghĩa

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
01	**1. Doanh thu bán hàng**	**18.1**	**253.997.001**	**232.811.112**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**18.1**	**(955.608)**	**(535.396)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng**	**18.1**	**253.041.393**	**232.275.716**
11	**4. Giá vốn hàng bán**		**(174.389.790)**	**(155.786.471)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**78.651.603**	**76.489.245**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**18.2**	**6.761.302**	**2.228.126**
22	**7. Chi phí tài chính**	**19**	**(9.003.097)**	**(4.215.359)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(6.570.804)*	*(2.884.005)*
24	**8. Chi phí bán hàng**		**(20.754.613)**	**(10.062.847)**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**		**(27.696.047)**	**(18.505.322)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**27.959.148**	**45.933.843**
31	**11. Thu nhập khác**	**20**	**3.271.100**	**865.570**
32	**12. Chi phí khác**	**20**	**(856.800)**	**(53.607)**
40	**13. Lợi nhuận khác**		**2.414.300**	**811.963**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**30.373.448**	**46.745.806**
51	**15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**21.1**	**(7.582.095)**	**(11.686.452)**
52	**16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	**21.3**	**(294.818)**	**-**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**22.496.535**	**35.059.354**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Kế toán trưởng
Hồ Ngọc Cảnh

Tổng Giám đốc
Võ Văn Thành Nghĩa

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**30.373.448**	**46.745.806**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		11.817.775	11.826.971
03	Các khoản dự phòng		(1.481.473)	-
04	Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	18.2	(1.490.420)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.345.452)	(2.129.416)
06	Chi phí lãi vay	19	6.570.804	2.884.005
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**41.444.682**	**59.327.366**
09	Tăng các khoản phải thu		(46.615.814)	(41.475.895)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(6.266.960)	29.212.734
11	Tăng các khoản phải trả		7.445.886	8.624.032
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(531.764)	25.861
13	Tiền lãi vay đã trả		(6.236.970)	(2.517.399)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(10.282.231)	(10.687.541)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.136.120)	(13.196.795)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh**		**(26.179.291)**	**29.312.363**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(35.068.719)	(11.408.077)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	20	656.381	-
23	Tiền chi cho vay		-	(8.900.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	4.168.493
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(14.616.975)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.281.582	637.500
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		3.691.913	801.272
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(39.055.818)**	**(14.700.812)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(195.400)
33	Tiền vay đã nhận		184.336.285	119.694.052
34	Tiền chi trả nợ vay		(137.304.261)	(99.646.265)
36	Chi trả cổ tức		(11.901.829)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**35.130.195**	**19.852.387**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
50	**(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**(30.104.914)**	**34.463.938**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**	**4**	**47.093.152**	**39.405.111**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**16.988.238**	**73.869.049**

Kế toán trưởng
Hồ Ngọc Cảnh

Tổng Giám đốc
Võ Văn Thành Nghĩa

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh:	*Ngày*
Điều chỉnh lần 2	6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	28 tháng 3 năm 2008

Công ty được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 20/QD-SDGHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là: 1.474 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.434).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng ngàn Việt Nam ("ngàn VNĐ") và được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 5.2.1 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2010, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đây là năm đầu tiên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được soát xét nên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 chưa được kiểm toán hay soát xét, được trình bày cho mục đích so sánh.

Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty trong tương lai.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

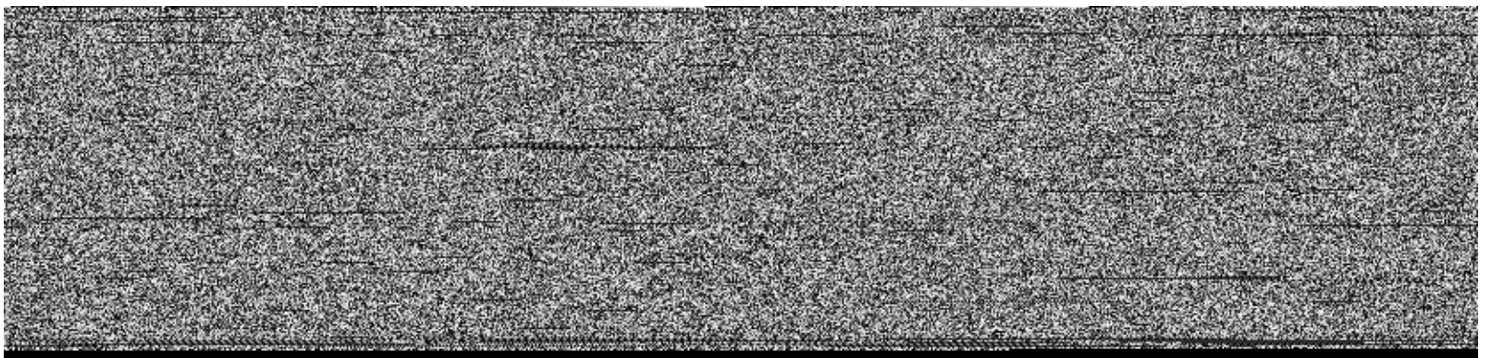
2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính ở những kỳ trước, ngoại trừ trường hợp:



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty nhận được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được phân bổ hao mòn vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty sẽ trả bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Nghị định số 127/2008/ND-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các kỳ kế toán trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ* (tiếp theo)

Nghiệp vụ	*Xử lý kế toán theo VAS 10*	*Xử lý kế toán theo Thông tư 201*
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ kế toán sáu tháng. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính riêng trong trường hợp công ty áp dụng Thông tư 201 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

3.15 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân phối lợi nhuận* (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và quỹ này được ghi nhận như nợ phải trả như trình bày tại Thuyết minh số 3.1.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Tiền gửi ngân hàng	11.452.649	46.905.304
Tiền mặt	535.589	187.848
Các khoản tương đương tiền	5.000.000	-
TỔNG CỘNG	**16.988.238**	**47.093.152**

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 10,9%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

5.1 Đầu tư ngắn hạn

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	22.036.304	13.366.411
Cho bên liên quan vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 22)*	11.700.000	15.700.000
	33.736.304	**29.066.411**
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.003.417)	(2.514.411)
ĐẦU TƯ THUẦN	**29.732.887**	**26.552.000**

5.2 Đầu tư dài hạn

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Đầu tư vào công ty con	55.839.864	56.174.364
Đầu tư dài hạn khác	42.599.924	38.599.924
	98.439.788	**94.774.288**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.617.839)	(5.405.267)
Trong đó:		
Đầu tư vào công ty con	-	*(2.787.428)*
Đầu tư dài hạn khác	*(2.617.839)*	*(2.617.839)*
ĐẦU TƯ THUẦN	**95.821.949**	**89.369.021**

5.2.1 Đầu tư vào các công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010		*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*	
	% sở hữu	*Giá trị Ngàn VNĐ*	*% sở hữu*	*Giá trị Ngàn VNĐ*
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	65	52.000.000	65	52.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch vụ Tân Lực	100	2.200.000	100	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	100	1.639.864	100	1.139.864
Công ty Cổ phần Thiên Long Miền Bắc	-	-	51	3.034.500
		55.839.864		**56.174.364**
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		-		(2.787.428)
ĐẦU TƯ THUẦN		**55.839.864**		**53.386.936**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành ("TLLT") là một công ty cổ phần, Công ty nắm giữ 65% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 472031000036 do Ban quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005. TLLT có trụ sở chính tại Đường số 7, Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch vụ Tân Lực ("TLTL") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309489650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. TLTL có trụ sở chính tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLTL là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu ("TLGTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, đã được điều chỉnh, số 4104002492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007. TLGTS có trụ sở chính tại số 368 đường Cao Thắng (nối dài), Phường 12, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLGTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty Cổ phần Thiên Long Miền Bắc ("TLN") là một công ty cổ phần, Công ty nắm giữ 51% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam. Vào ngày 2 tháng 2 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc giải thể TLN chính thức hoàn tất theo Quyết định thu hồi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam.

5.2.2 Đầu tư dài hạn khác

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Cho bên liên quan vay dài hạn *(Thuyết minh số 22)*	4.000.000	-
Đầu tư dài hạn vào các công ty khác:		
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	*25.000.000*	*25.000.000*
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	*5.999.924*	*5.999.924*
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	*5.100.000*	*5.100.000*
Công ty Cổ phần Chip Sáng	*1.900.000*	*1.900.000*
Công ty Cổ phần In số 7	*600.000*	*600.000*
	42.599.924	**38.599.924**
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	(2.617.839)	(2.617.839)
ĐẦU TƯ THUẦN	**39.982.085**	**35.982.085**

Như được trình bày trong Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác để đảm bảo khoản vay tại ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	112.070.313	69.394.149
Phải thu bên thứ ba	14.475.329	11.765.545
	126.545.642	**81.159.694**
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.625.806)	(1.797.170)
GIÁ TRỊ THUẦN	**124.919.836**	**79.362.524**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Phải thu khác từ bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	2.528.760	-
Phải thu khác	506.972	2.220.030
TỔNG CỘNG	**3.035.732**	**2.220.030**

8. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	77.671.110	61.829.106
Thành phẩm	55.864.605	61.096.427
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.787.908	9.590.029
Hàng mua đang đi trên đường	10.568.751	19.373.288
Hàng hóa	5.705.307	5.482.772
Công cụ, dụng cụ	214.032	173.133
	163.811.713	**157.544.755**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.755.760)	(5.767.447)
GIÁ TRỊ THUẦN	**158.055.953**	**151.777.308**

Thành phẩm trị giá 4.259.589 ngàn VNĐ đã được dùng làm tài sản thế chấp khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng *(Thuyết minh số 12)*.

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VNĐ

	Máy móc thiết bị	*Nhà cửa, vật kiến trúc*	*Phương tiện vận tải*	*Trang thiết bị văn phòng*	*Khuôn*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	68.603.734	36.207.602	10.799.449	4.437.041	75.187.583	195.235.409
Mua mới	17.863.450	-	-	1.206.461	1.025.427	20.095.338
Thanh lý, nhượng bán	(5.431.005)	-	-	-	(1.446.368)	(6.877.373)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	81.036.179	36.207.602	10.799.449	5.643.502	74.766.642	208.453.374
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*21.610.385*	*641.802*	*5.512.890*	*1.575.041*	*50.863.237*	*80.203.355*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	(40.941.836)	(7.678.745)	(7.736.978)	(2.370.943)	(59.751.673)	(118.480.175)
Phân loại lại	(7.355)	-	13.185	(5.830)	-	-
Khấu hao trong kỳ	(5.892.699)	(729.997)	(500.559)	(467.541)	(4.620.524)	(12.211.320)
Thanh lý, nhượng bán	4.810.409	-	-	-	1.446.368	6.256.777
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	(42.031.481)	(8.408.742)	(8.224.352)	(2.844.314)	(62.925.829)	(124.434.718)
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	27.661.898	28.528.857	3.062.471	2.066.098	15.435.910	76.755.234
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	39.004.698	27.798.860	2.575.097	2.799.188	11.840.813	84.018.656
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 12 và 16)	*4.001.335*	*9.780.144*	-	-	*625.044*	*14.406.523*

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VNĐ

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Bản quyền, bằng sáng chế*	*Khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	9.847.625	2.093.589	58.200	115.978	12.115.392
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	9.847.625	2.093.589	58.200	115.978	12.115.392
Trong đó:					
Đã khấu trừ hết	-	*1.344.276*	*58.200*	*115.978*	*1.518.454*
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	(1.175.865)	(1.303.451)	(58.200)	(115.978)	(2.653.494)
Khấu trừ trong kỳ	-	(230.642)	-	-	(230.642)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	(1.175.865)	(1.534.093)	(58.200)	(115.978)	(2.884.136)
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	8.671.760	790.138	-	-	9.461.898
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	8.671.760	559.496	-	-	9.231.256
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 12)	*8.671.760*	-	-	-	*8.671.760*

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Nhà máy	25.767.526	15.449.922
Thiết bị đang lắp đặt	11.756.901	6.688.013
TỔNG CỘNG	**37.524.427**	**22.137.935**

12. VAY NGẮN HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31tháng 12 năm 2009*
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	121.059.447	83.007.455
Nợ dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 16)*	2.328.072	2.119.680
TỔNG CỘNG	**123.387.519**	**85.127.135**

12. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2010 *Ngàn VNĐ*	*Điều khoản và thời hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5.2.2, 8, 9 và 10)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hồ Chí Minh	42.604.071			
Trong đó:				
	36.209.998	*Từ ngày 3 tháng 7 đến ngày 30 tháng 10 năm 2010*	*12,00 – 13,60*	Quyền sử dụng đất, thành phẩm
	6.394.073	*Từ ngày 16 tháng 8 đến ngày 26 tháng 8 năm 2010*	*5,90*	Quyền sử dụng đất, thành phẩm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	37.739.879	Từ ngày 7 tháng 7 đến ngày 30 tháng 12 năm 2010	12,00 – 14,00	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	35.411.974	Từ ngày 5 tháng 7 đến ngày 27 tháng 9 năm 2010	4,34 – 6,00	Thành phẩm, nhà cửa và vật kiến trúc và bảo lãnh bởi Ông Cô Gia Thọ - Chủ tịch
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam– Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.666.275	Từ ngày 28 tháng 10 đến ngày 15 tháng 11 năm 2010	4,50	Thành phẩm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.637.248	Ngày 14 tháng 9 năm 2010	14,27	Khoản đầu tư dài hạn vào các công ty
TỔNG CỘNG	**121.059.447**			

Công ty sử dụng tiền vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Phải trả các bên bên thứ ba	33.544.453	29.023.032
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 21)*	2.690.006	450.120
TỔNG CỘNG	**36.234.459**	**29.473.152**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*Thuyết minh số 21.2*)	2.658.123	5.358.259
Thuế giá trị gia tăng	2.226.477	430.510
Thuế nhập khẩu	733.763	311.721
Thuế thu nhập cá nhân	232.094	469.596
Các loại thuế khác	-	666.069
TỔNG CỘNG	**5.850.457**	**7.236.155**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	8.367.850	3.764.595
Chi phí hoạt động văn phòng đại diện	1.008.483	3.175.304
Chi phí lãi vay	627.783	293.949
Lương tháng 13	568.666	1.252.441
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	61.372	500.000
Khác	136.839	164.033
TỔNG CỘNG	**10.770.993**	**9.150.322**

16. VAY DÀI HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Vay dài hạn từ ngân hàng	11.520.723	3.702.989
TỔNG CỘNG	**11.520.723**	**3.702.989**
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	*2.328.072*	*2.119.680*
Nợ dài hạn	*9.192.651*	*1.583.309*

16. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn từ ngân hàng bao gồm:

Hợp đồng vay số	*Ngày 30 tháng 6 năm 2010*	*Điều khoản và thời hạn*	*Lãi suất*	*Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 9)*
	Ngàn VNĐ		*%/ năm*	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
OIK.DN.01260310	3.334.800	42 tháng từ ngày 31 tháng 3 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013	16,12	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.02040510	1.700.044	42 tháng từ ngày 6 tháng 5 năm 2010 đến ngày 6 tháng 11 năm 2013	15,95	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01020210	1.470.895	42 tháng từ ngày 3 tháng 2 năm 2010 đến ngày 3 tháng 8 năm 2013	15,95	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01220110	1.423.085	42 tháng từ ngày 26 tháng 1 năm 2010 đến ngày 26 tháng 7 năm 2013	15,95	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01140110	948.750	42 tháng từ ngày 18 tháng 1 năm 2010 đến ngày 18 tháng 7 năm 2013	15,95	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.02081209	740.860	42 tháng từ ngày 10 tháng 12 năm 2009 đến ngày 10 tháng 5 năm 2013	15,76	Máy móc và thiết bị
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
01/06/HĐ	1.902.289	Ngày 1 tháng 6 năm 2011	12,00	Máy móc và thiết bị
TỔNG CỘNG	**11.520.723**			

Công ty sử dụng tiền vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu ngân quỹ*	*Quỹ đầu tư và phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Kỳ trước: *(chưa soát xét)*							
Tại ngày 1/1/2009	155.000.000	130.654.354	(599.400)	9.719.333	6.438.430	35.649.934	336.862.651
Cổ phiếu quỹ mua vào trong kỳ	-	-	(195.400)	-	-	-	(195.400)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	35.059.354	35.059.354
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.347.452	2.347.452	(6.888.939)	(2.194.035)
Chi phụ cấp Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(1.665.298)	(1.665.298)
Tại ngày 30/06/2009	155.000.000	130.654.354	(794.800)	12.066.785	8.785.882	62.155.051	367.867.272
Kỳ này:							
Tại ngày 1/1/2010	155.000.000	130.754.354	(187.200)	12.066.785	8.785.882	68.187.931	374.607.752
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	22.496.535	22.496.535
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(11.901.829)	(11.901.829)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(3.200.000)	(3.200.000)
Chi phụ cấp Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(720.000)	(720.000)
Tại ngày 30/6/2010	155.000.000	130.754.354	(187.200)	12.066.785	8.785.882	74.862.637	381.282.458

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010		*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*	
	Số lượng	*Ngàn VNĐ*	*Số lượng*	*Ngàn VNĐ*
Cổ phiếu được phép phát hành	15.500.000	155.000.000	15.500.000	155.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	*15.500.000*	*155.000.000*	*15.500.000*	*155.000.000*
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	*(9.360)*	*(93.600)*	*(9.360)*	*(93.600)*
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	*15.490.640*	*154.906.400*	*15.490.640*	*154.906.400*

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
Tổng doanh thu gộp	**253.997.001**	**232.811.112**
Trong đó:		
Doanh thu từ bán thành phẩm	*244.182.153*	*212.870.105*
Doanh thu từ bán hàng hóa	*9.814.848*	*19.941.007*
Các khoản giảm trừ doanh thu:	**(955.608)**	**(535.396)**
Trong đó:		
Thành phẩm bị trả lại	*(900.030)*	*(376.403)*
Hàng hóa bị trả lại	*(55.578)*	*(158.993)*
DOANH THU THUẦN	**253.041.393**	**232.275.716**
Trong đó:		
Doanh thu từ bán thành phẩm	*243.282.123*	*212.493.702*
Doanh thu từ bán hàng hóa	*9.759.270*	*19.782.014*

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
Lãi tiền gửi	2.691.759	2.129.416
Cổ tức được chia	1.068.988	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.490.420	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	759.995	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	750.140	98.710
TỔNG CỘNG	**6.761.302**	**2.228.126**

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
Chi phí lãi vay	6.570.804	2.884.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	936.240	1.331.354
Phí ngân hàng	7.047	-
Chi phí tài chính khác	1.489.006	-
TỔNG CỘNG	**9.003.097**	**4.215.359**

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
Thu nhập khác		
Thu từ bồi thường hàng hóa hư hỏng	1.566.696	-
Thu từ cho thuê	660.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	656.381	-
Các khoản thu khác	388.023	865.570
	3.271.100	865.570
Chi phí khác		
Chi phí cho việc thanh lý tài sản cố định	(831.670)	-
Các khoản chi phí khác	(25.130)	(53.607)
	(856.800)	(53.607)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.414.300**	**811.963**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
Thuế TNDN kỳ hiện hành	7.582.095	11.686.452
TỔNG CỘNG	**7.582.095**	**11.686.452**

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán sáu tháng khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế.

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
Lợi nhuận trước thuế	**30.373.448**	**46.745.806**
Điều chỉnh tăng (giảm) thu nhập chịu thuế		
Các chi phí không được khấu trừ	572.282	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.314.488	-
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư	(2.787.428)	-
Trích trước chi phí hoạt động	1.038.640	-
Các khoản khác	(183.050)	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong kỳ	**30.328.380**	**46.745.806**
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	**7.582.095**	**11.686.452**
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.358.259	6.439.266
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(10.282.231)	(10.687.541)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	**2.658.123**	**7.438.177**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Ngàn VNĐ

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		*Chi phí ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*	*Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010*	*Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (chưa soát xét)*
Chi phí trích trước	2.234.129	1.974.164	259.965	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.438.940	1.441.862	(2.922)	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	654.460	1.351.317	(696.857)	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	406.451	449.292	(42.841)	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	328.622	140.785	187.837	-
Tài sản thuế hoãn lại	**5.062.602**	**5.357.420**		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			***(294.818)***	**-**

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị Ngàn VNĐ*
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	2.465.476
		Bán tài sản cố định	656.381
		Mua hàng hóa	1.055.282
		Mua thành phẩm	58.123
		Mua nguyên vật liệu	49.205
		Chi phí gia công	259.820
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Công ty con	Bán thành phẩm	220.010.541
		Bán nguyên vật liệu	170.763
		Mua hàng hóa	1.333.784
		Thu từ cho thuê	660.000
		Góp vốn	500.000
		Chi phí chi trả hộ	105.463
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Tân Lực	Công ty con	Bán thành phẩm	4.530.394
		Góp vốn	2.200.000
		Chi phí chi trả hộ	35.666

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán của các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Phải thu (phải trả) Ngàn VNĐ*
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Công ty con	Bán thành phẩm	107.404.227
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	3.872.681
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Tân Lực	Công ty con	Bán thành phẩm	793.405
			112.070.313
Đầu tư ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	Công ty con	Cho vay	11.700.000
Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành vay có kỳ hạn một năm và với lãi suất 10,5%/năm.			
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	Công ty con	Lãi vay và bán tài sản cố định	2.528.760
Đầu tư dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	Công ty con	Cho vay	4.000.000
Đây là các khoản cho Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành vay có kỳ hạn ba năm với lãi suất 10,5%/năm.			
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	(2.664.673)
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Tân Lực	Công ty con	Mua hàng hóa	(25.333)
			(2.690.006)

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các cam kết thuê hoạt động thể hiện giá trị khoản thuê nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được trình bày như sau:

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Đến 1 năm	6.074.681	2.063.083
Từ 1-5 năm	578.267	1.155.290
TỔNG CỘNG	**6.652.948**	**3.218.373**

24. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hồ Ngọc Cảnh	Võ Văn Thành Nghĩa

Ngày 30 tháng 7 năm 2010